TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/KDTM-ST
Ngày: 07-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích

2. Bà Đỗ Thị Trúc Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3549/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5412/2024/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: Số A đường số B, phường C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Đỗ Duy T, trú tại: Số A đường số B, phường C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 02 năm 2024). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần A1

Địa chỉ: Số X đường Y, phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:

Bà Phạm Thị Th, trú tại: Số X đường Y, phường Z, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 4 năm 2024). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Đ- Có ông Đỗ Duy T- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) là doanh nghiệp chuyên cung cấp dịch vụ giám sát, quản lý an toàn lao động; dịch vụ huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ an toàn lao động và các trang bị bảo hộ lao động.

Ngày 29/8/2022, Công ty Đ và Công ty Cổ phần A1 (gọi tắt là Công ty A1) đã ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát an toàn lao động số: 2056-22/HĐGSATLĐ (sau đây gọi là Hợp đồng). Theo đó, Công ty Đ sẽ cử nhân viên của mình đến Công trường của Công ty A1 để giám sát an toàn lao động tại địa chỉ: "X1, phường Y1, quận Z1, Thành phố Hà Nội". Vào đầu mỗi tháng, Công ty Đ sẽ gửi hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty A1 và tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn trên, Công ty A1 sẽ thanh toán cho Công ty Đ.

Thời hạn thực hiện hợp đồng nêu trên từ ngày 29/8/2022 đến khi kết thúc công trình. Tuy nhiên, trên thực tế, Công ty A1 chưa thanh toán tiền phí giám sát an toàn lao động tháng 11+12/2022 và 01+02+03/2023 cho Công ty Đ đúng thời hạn trên.

Theo như Hợp đồng đã ký thì thời gian thanh toán trong khoảng từ 05-10 ngày tính từ ngày nhận được hóa đơn chứng từ. Sau khi xem xét hồ sơ liên quan, hai bên cùng nhau tiến hành xác nhận số công nợ Công ty A1 còn nợ Công ty Đ và đến hiện tại thời gian trễ so với lịch thanh toán. Vì vậy Công ty Đ đã xem xét và áp dụng mức tính lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/7/2023 theo quy định về mức lãi suất chậm thanh toán tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 và Điều 11, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP là 18,675%/năm với số tiền 6.652.370 đồng.

Vậy tổng số tiền Công ty A1 còn nợ Công ty Đ tính đến ngày 30/7/2023 là: 88.723.139đ (Tám mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

Ngày 28/02/2023, Công ty Đ có gửi bảng đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán qua email của ông Trần Ngọc A2 (Phó tổng giám đốc), bà Phạm Thị Th (Kế toán trưởng), ông Mai Tấn M (Chỉ huy trưởng phụ trách chỉ huy trực tiếp tại công trình bên Công ty Đ làm việc) để thông báo số tiền đang nợ Công ty Đ. Bên Công ty A1 cũng đã gửi email phản hồi lịch thanh toán và gửi thông báo số: 12/CV-AAH thông báo lịch thanh toán bằng văn bản cho Công ty Đ. Cụ thể, bên Công ty A1 thông báo sẽ thanh toán số tiền theo hóa đơn số 729, 22 và 50 với tổng số tiền là 47.874.616 đồng vào ngày 31/3/2023.

Ngày 30/3/2023, Công ty Đ tiếp tục gửi Công văn qua email nhắc thanh toán đúng lịch hẹn nhưng Công ty A1 không phản hồi công văn.

Ngày 10/4/2023, Công ty Đ cử đại diện qua gửi bảng xác nhận công nợ,

làm việc về công nợ cũng như đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán tháng 3/2023.

Ngày 19/4/2023, Công ty Đ gửi email "Thông báo nhắc nợ".

Ngày 08/5/2023, Công ty Đ cử đại diện qua ghi "Bảng xác nhận công nợ và đề nghị thanh toán" làm việc về việc thanh toán nhưng vẫn chưa có lịch thanh toán.

Ngày 17/5/2023, Công ty Đ gửi email "Công Văn số 01/2023/CVPCN tính lãi phạt chậm thanh toán tiền phí thuê dịch vụ Giám sát an toàn lao động" nhưng bên Công ty A1 vẫn không phản hồi công văn.

Ngày 25/5/2023, Công ty Đ tiếp tục cử đại diện qua để gửi "Đề nghị thanh toán" và Công văn số 02/2023/CVPCN- Tính lãi phạt chậm thanh toán tiền phí thuê dịch vụ Giám sát an toàn lao động".

Ngày 22/6/2023, Công ty Đ tiếp tục gửi email "Đề nghị thanh toán kèm số tiền lãi phạt chậm thanh toán".

Hiện nay Công ty Đ liên lạc với ông Trần Ngọc A2 bằng điện thoại nhiều lần nhưng ông Ánh vẫn không nghe máy.

Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết buộc Công ty A1 thanh toán ngay cho Công ty Đ khoản tiền: Tổng phí dịch vụ giám sát an toàn lao động trong 05 tháng tức tháng 11+12/2022 và tháng 01+02+3/2023 là 72.070.770 đồng (Do sau khi Tòa án thụ lý giải quyết thì Bị đơn đã trả cho Nguyên đơn 10.000.000 đồng).

Đối với số tiền lãi tính từ ngày thanh toán đến ngày 30/7/2023 theo quy định về mức lãi suất chậm thanh toán tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP là 18,675%/năm với số tiền 6.652.370đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng), Nguyên đơn rút lại phần yêu cầu này, tức là không buộc Bị đơn phải trả các khoản tiền lãi, chỉ đòi khoản nợ còn lại là 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) mà hai bên đã đối chiếu xác nhận.

** Đối với Bị đơn- Công ty Cổ phần A1:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

** Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Đ- Có ông Đỗ Duy T- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến: Yêu cầu Bị đơn phải trả ngay một lần cho Nguyên đơn số tiền 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Nguyên đơn không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Bị đơn- Công ty Cổ phần A1- Có bà Phạm Thị Th đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn thống nhất với trình bày của Nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát an toàn lao động số: 2056-22/HĐGSATLĐ ngày 29/8/2022, các văn bản đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán cũng như các văn bản mà Nguyên đơn trình bày. Bị đơn đồng ý trả số nợ mà Nguyên đơn yêu cầu là 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Tuy nhiên do việc kinh doanh không thuận lợi, chưa thể trả ngay số tiền trên, đề nghị Nguyên đơn cho Bị đơn trả một lần số nợ trên chậm nhất là ngày 31/8/2024.

Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Đ- Có ông Đỗ Duy T- Đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do khoản nợ đã kéo dài gây thiệt hại cho Nguyên đơn, vì vậy Nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả của Bị đơn, đề nghị Tòa án xét xử vụ án để đảm bảo quyền và lợi ich hợp pháp của Nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà Nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) khởi kiện Công ty Cổ phần A1 (gọi tắt là Công ty A1) yêu cầu trả ngay số tiền 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu

không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát an toàn lao động số: 2056-22/HĐGSATLĐ ngày 29/8/2022 (sau đây gọi là Hợp đồng), Bảng đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán ngày 08/5/2023. Đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Bị đơn có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn trả ngay một lần số tiền 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 29/8/2022 các bên xác lập Hợp đồng, theo đó, Công ty Đ sẽ cử nhân viên của mình đến Công trường của Công ty A1 để giám sát an toàn lao động tại địa chỉ: "X1, phường Y1, Z1, Hà Nội". Vào đầu mỗi tháng, Công ty Đ sẽ gửi hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty A1 và tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn trên, Công ty A1 sẽ thanh toán cho Công ty Đ. Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 29/8/2022 đến khi kết thúc công trình. Tuy nhiên, Công ty A1 chưa thanh toán tiền phí giám sát an toàn lao động tháng 11+12/2022 và 01+02+03/2023 cho Công ty Đ đúng thời hạn trên.

Theo Hợp đồng đã ký thì thời gian thanh toán trong khoảng từ 05-10 ngày tính từ ngày nhận được hóa đơn chứng từ. Sau khi xem xét hồ sơ liên quan, các bên cùng nhau tiến hành xác nhận số công nợ. Cụ thể ngày 10/4/2023, Công ty A1 xác nhận còn nợ Công ty Đ 82.070.770 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán nhưng Công ty A1 không thực hiện. Ngày 08/5/2023 các bên lập tiếp Bảng đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán với số tiền như trên nhưng Công ty A1 vẫn không thực hiện.

Công ty A1 xác nhận việc ký Hợp đồng, các Bảng đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán, xác nhận còn nợ Công ty Đ số tiền 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) sau khi đã thanh toán bổ sung cho Nguyên đơn 10.000.000 đồng vào ngày 01/8/2023.

Xét, việc các bên xác lập hợp đồng là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 74 của Luật Thương mại năm 2005. Công ty Đ đã thực hiện xong công việc quy định trong Hợp đồng nên Công ty A1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ theo quy định tại Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005. Các bên cùng xác nhận sau khi Công ty Đ nộp đơn khởi tại Tòa án nhân dân Quận 1 thì Công ty A1 có trả cho Công ty Đ số tiền 10.000.000 đồng.

Xét, việc Nguyên đơn yêu Bị đơn phải ngay một lần số tiền 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Công ty A1 đề nghị trả số tiền trên chậm nhất là ngày 31/8/2024, đề nghị này không được Công ty Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính từ ngày thanh toán đến ngày 30/7/2023 theo quy định về mức lãi suất chậm thanh toán tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP là 18,675%/năm với số tiền 6.652.370đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Xét thấy, đây là sự tự nguyện của Nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 74, Điều 85 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Đ.

Buộc Công ty Cổ phần A1 phải trả ngay một lần số tiền 72.070.770đ (Bảy mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) cho Công ty Cổ phần Đ theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát an toàn lao động số: 2056-22/HĐGSATLĐ ngày 29/8/2022, Bảng đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán ngày 08/5/2023.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần A1 không trả khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần A1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Đ tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần A1 phải trả cho Công ty Cổ phần Đ tiền lãi tính từ ngày thanh toán đến ngày 30/7/2023 theo quy định về mức lãi suất chậm thanh toán tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP là 18,675%/năm với số tiền 6.652.370đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.603.539đ (Ba triệu sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm ba mươi chín đồng).

Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 2.218.078đ (Hai triệu hai trăm mười tám nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0044652 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh